

**HÒA AN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ THUẬN AN  
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 95/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 12-11-2020

V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi  
con

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THUẬN AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lê Thị Ngọc

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Trần Ngọc Phương

2. Bà Nguyễn Ngọc Hồng

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Cảnh Khang - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thuận An tham gia phiên tòa:**  
Bà Bùi Thanh Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 11 năm 2020, tại phòng xử án Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, xét xử công khai vụ án thụ lý số 1094/2020/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 10 năm 2020 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 91/2020/QĐXX-ST ngày 26 tháng 10 năm 2020, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Mỹ T, sinh năm 1990; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Ấp C, xã B, huyện C, tỉnh A; tạm trú: A, tổ 28, khu phố B, phường T, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, có mặt.

2. *Bị đơn:* Ông Mai Thành T, sinh năm 1985; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Ấp B, xã B, huyện C, tỉnh An G; tạm trú: 1/623, tổ 3, khu phố H, phường T, thành phố T, tỉnh B, có mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện, quá trình tố tụng nguyên đơn - bà Nguyễn Thị Mỹ T trình bày:*

Nguyên đơn và bị đơn kết hôn trên cơ sở tự nguyện, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Bình Phú, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang theo giấy chứng nhận kết hôn số 86/2012, quyển số 01/2012 ngày 05/10/2012. Từ khi bắt đầu chung sống với nhau thì vợ chồng không hạnh phúc được một ngày nào, nguyên nhân mâu thuẫn do bị đơn ham mê uống rượu và tụ tập ca hát, mỗi khi bị đơn cùng uống rượu với bạn bè thì uống rượu và ca hát từ đêm tới sáng, nhiều lần nguyên đơn khuyên bảo bị đơn nhưng bị đơn vẫn chứng nào tật đó. Ngoài ra vợ chồng thường

xuân cải vã, sống không hạnh phúc, tháng 3/2020 nguyên đơn cùng con chuyển đi nơi khác sống, vợ chồng không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, tình cảm không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được nên nguyên đơn yêu cầu được ly hôn với bị đơn.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Mai Thị Tuyết N, sinh ngày 27/5/2016. Khi vợ chồng ly hôn, nguyên đơn yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu N. Nguyên đơn không yêu cầu bị đơn phải cấp dưỡng nuôi con. Nguyên đơn cho rằng cháu N là con gái, từ khi sinh ra đến nay cháu N sức đề kháng kém thường xuyên bệnh tật thì nguyên đơn là người thức khuya dậy sớm lo cho con. Hơn nữa từ khi nguyên đơn và con ra sống riêng đến nay thì một mình nguyên đơn lo cho con đầy đủ. Mặc dù hai vợ chồng không còn sống chung nhưng nguyên đơn vẫn tạo điều kiện cho bị đơn thăm nom con. Ngoài ra nguyên đơn làm việc trong giờ hành chính ban ngày không phải tăng ca vào ban đêm và thu nhập ổn định, thuận lợi đưa rước con đi học, còn bị đơn làm việc tự do giờ giấc không ổn định. Vì vậy nguyên đơn đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu N và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chứng cứ nguyên đơn giao nộp: Chứng minh nhân dân, sổ hộ khẩu (bản chứng thực); trích lục khai sinh (bản sao); giấy chứng nhận kết hôn (bản sao); 04 bản sao kê lương (bản chính).

*Quá trình tố tụng và tại phiên tòa bị đơn – ông Mai Thành T trình bày:*

Thống nhất theo lời trình bày của nguyên đơn về thời gian, điều kiện kết hôn và tài sản chung và nợ chung. Về nguyên nhân mâu thuẫn không như nguyên đơn trình bày, bị đơn thừa nhận có uống rượu nhưng chỉ uống rượu vào ngày chủ nhật, còn ngày thường thì không uống mà đi làm. Từ tết nguyên đán năm 2020 đến nay do ảnh hưởng dịch bệnh nên bị đơn không có công việc nên không có tiền lo cho con được. Bị đơn xác định chỉ còn nghĩa vợ chồng với nguyên đơn chứ không còn tình cảm, nay nguyên đơn cứ nhất quyết ly hôn thì bị đơn đồng ý. Tuy nhiên bị đơn không đồng ý giao cháu Mai Thị Tuyết N cho nguyên đơn nuôi dưỡng vì bị đơn cho rằng mức thu nhập của bị đơn hàng tháng từ 15.000.000 đồng đến 20.000.0000 đồng nhiều hơn nguyên đơn nên có điều kiện chăm sóc cho con tốt hơn. Ngoài ra thì bị đơn cho rằng nguyên đơn cản trở không cho ông thăm con.

Bị đơn không giao nộp chứng cứ gì.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; bị đơn giữ nguyên ý kiến của mình trường hợp Hội đồng xét xử giao cháu N cho nguyên đơn nuôi dưỡng thì bị đơn tự nguyện cấp dưỡng 1.500.000 đồng/01 tháng, thời gian cấp dưỡng ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

*Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:*

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, nên đề nghị Hội đồng xét

xử xem xét chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Về con chung giao cháu Mai Thị Tuyết N cho nguyên đơn trực tiếp nuôi dưỡng, ghi nhận sự tự nguyện của bị đơn cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000 đồng/01 tháng, về tài sản chung nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng dân sự: Nguyên đơn khởi kiện bị đơn yêu cầu được ly hôn, bị đơn hiện đang trú tại phường Thuận Giao, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương. Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố Thuận An thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn và bị đơn tự nguyện tìm hiểu và có đăng ký kết hôn nên quan hệ hôn nhân là hợp pháp. Xét thấy, các đương sự thống nhất vợ chồng đã không còn sống chung từ tháng 3/2020 đến nay, vợ chồng không còn yêu thương, chăm sóc nhau, bị đơn xác định chỉ còn nghĩa với nguyên đơn chứ không còn tình cảm. Trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa các đương sự thống nhất được ly hôn. Từ đó Hội đồng xét xử xác định quan hệ hôn nhân giữa nguyên đơn và bị đơn mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung không thể có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện ly hôn giữa các bên.

[3] Về con chung: Nguyên đơn cho rằng từ tháng 3/2020 nguyên đơn một mình nuôi con không cần sự chu cấp của bị đơn nhưng cháu N vẫn được chăm lo đời sống vật chất và tinh thần đầy đủ là có căn cứ vì bị đơn thừa nhận do công việc của bị đơn là bốc vác ảnh hưởng dịch bệnh Covid từ tết nguyên đán năm 2020 đến tháng 6/2020 đến nay bị đơn không có thu nhập nên không có tiền gửi cho nguyên đơn nuôi con. Bị đơn cho rằng ông có thu nhập cao hơn nguyên đơn nên có điều kiện nuôi con tốt nguyên đơn và nguyên đơn có hành vi cản trở bị đơn thăm con nhưng bị đơn không cung cấp được chứng cứ chứng minh cho trình bày của mình, còn nguyên đơn cung cấp được chứng cứ có thu nhập ổn định. Căn cứ vào biên bản xác minh của Tòa án ngày 27/10/2020 tại Trường mầm non Lá Xanh thì bà Huỳnh Thị Thu Hương là phó hiệu trưởng cung cấp: Cháu N đang học tại trường Lá Xanh từ năm 2018 đến nay, nguyên đơn là người khai học và đưa đón cháu N đi học đúng giờ, theo kết quả kiểm tra sức khỏe định kỳ thì cháu N phát triển thể chất và tinh thần tốt. Ngoài ra Hội đồng xét xử xét thấy cháu N là con gái cần được sự chăm sóc của người mẹ. Vì vậy giao cháu N cho nguyên đơn trực tiếp nuôi dưỡng là hợp tình, hợp lý.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bị đơn trình bày trường hợp Hội đồng xét xử giao cháu N cho nguyên đơn trực tiếp nuôi dưỡng thì bị đơn tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000 đồng, thời gian cấp dưỡng ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật. Xét đây là sự tự nguyện của bị đơn nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[4] Về tài sản chung, nợ chung không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở và phù hợp với quy định của pháp luật.

[6] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Bị đơn phải chịu án phí cấp dưỡng theo quy định.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ:

- Các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 266, 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng Dân sự;

- Các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn - bà Nguyễn Thị Mỹ T với bị đơn – ông Mai Thành T về việc Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

- Công nhận sự thỏa thuận của bà Nguyễn Thị Mỹ T và ông Mai Thành T về việc thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Giao cháu Mai Thị Tuyết N, sinh ngày 27/5/2016 cho bà Nguyễn Thị Mỹ T được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Ông Mai Thành T tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000 đồng, thời gian cấp dưỡng ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm con, không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong, nếu người phải thi hành án chậm trả còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất theo quy định tại Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Mỹ T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0047337 ngày 28 tháng 9 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.

Ông Mai Thành T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Thuận An;
- Chi cục THADS thành phố Thuận An;
- UBND xã Bình Phú, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang;
- Chánh án (để báo cáo);
- Các đương sự;
- Lưu HS, AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Thị Ngọc**